

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Cà Mau
giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch số 06-KH-TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch số 0182/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tập trung nguồn lực phát huy tiềm năng, lợi thế các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh tạo giá trị gia tăng và đóng góp lớn cho GRDP ngành, địa phương.

2. Yêu cầu

- Xác định các sản phẩm chủ lực dựa trên tiêu chí quy mô sản xuất, sức cạnh tranh, lợi thế tự nhiên, thị trường.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, trách nhiệm, lộ trình thực hiện đối với từng nội dung cụ thể.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh; hình thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực quy mô từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Sản phẩm Tôm:

- Phần đầu năm 2030, sản lượng thủy sản đạt trên 1,66 triệu tấn, trong đó sản lượng tôm: 750.000 tấn.

- 80% diện tích nuôi tôm áp dụng quy trình kỹ thuật an toàn sinh học; 20 - 30% diện tích đạt tiêu chuẩn VietGAP, ASC hoặc sinh thái.

- Hình thành tối thiểu 05 vùng nuôi tôm tập trung ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- 90% con giống tôm đưa vào sản xuất có nguồn gốc rõ ràng, kiểm dịch đầy đủ. Sản xuất được khoảng 85 - 95 tỷ con giống đáp ứng nhu cầu giống tôm nuôi của tỉnh đồng thời xuất sang các tỉnh lân cận

- 70% sản lượng tôm nuôi tham gia chuỗi liên kết sản xuất.

- Sản lượng tôm thương phẩm qua chế biến tăng bình quân 7 - 9%/năm, trong đó tỷ lệ tôm chế biến tinh đạt trên 30% tổng sản lượng.

- Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng tôm tăng bình quân 9%/năm (Kim ngạch xuất khẩu tôm đến 2030 dự kiến trên 3,5 tỷ USD).

2.2. Sản phẩm Cua:

- Diện tích nuôi tăng từ 15 - 20% so với năm 2025, trong đó 70% diện tích nuôi cua sinh thái kết hợp; 30% diện tích nuôi cua thâm canh.

- 70% sản lượng cua được thu mua qua chuỗi liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã (HTX) - hộ nuôi.

- Hình thành tối thiểu 03 vùng nuôi cua đạt chuẩn OCOP hoặc VietGAP gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng ít nhất 2 doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi “Cua Cà Mau” xuất khẩu

- 100% lô cua xuất khẩu thực hiện truy xuất nguồn gốc.

2.3. Sản phẩm Lúa gạo:

- Giữ ổn định diện tích canh tác lúa 189.374 ha, diện tích gieo trồng 314.982 ha. Phần đầu đạt sản lượng 1.890.000 tấn, trong đó 70% (tương đương 1.400.000 tấn lúa, 820.000 tấn gạo) phục vụ tiêu thụ ngoài tỉnh và xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp thuộc Đề án 01 triệu héc ta đạt 55.000 ha.

- Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa gạo tại vùng canh tác lúa chất lượng cao đạt 20 - 30% diện tích.

2.4. Sản phẩm Muối: Duy trì 1.670 ha diện tích sản xuất muối đến năm 2030, sản lượng đạt từ 70 - 80.000 tấn/năm; trong đó, diện tích sản xuất muối trái bạt 300 ha (chiếm 18% trên tổng diện tích sản xuất muối).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện quy hoạch và tổ chức vùng sản xuất

Rà soát, xác định vùng nuôi trồng, sản xuất trọng điểm đối với các sản phẩm chủ lực gắn với quy hoạch phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất phục vụ chế biến tập trung và bảo quản sau thu hoạch. ... Triển khai xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng tập trung trên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Quy hoạch và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, xây dựng chuỗi giá trị chế biến thủy sản sạch; rà soát đề xuất điều chỉnh các nội dung về định hướng không gian quy hoạch phát triển nuôi trồng và khai thác thủy hải sản ở những vùng ven biển có tiềm năng lợi thế gắn với hệ thống cảng biển, logistics, trung tâm đầu mối thủy sản. Phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản an toàn, quy mô lớn, công nghệ cao bám dọc theo tuyến đê biển Đông; Quy hoạch, phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao tập trung 10.000 ha¹. Phát triển vùng nuôi cua thâm canh năng suất cao kiểm soát chặt môi trường nước, giống, thức ăn, dịch bệnh theo quy trình chuẩn đảm bảo ghi chép đầy đủ, truy xuất được nguồn gốc đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn chứng nhận

- Quy hoạch, phân vùng sản xuất lúa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, giữ ổn định diện tích sản xuất chuyên lúa². Phân vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất chất lượng cao khoảng 75.000 ha, trong đó khu vực Nam Cà Mau 25.000 ha và khu vực Bắc Cà Mau 50.000 ha. Bố trí ổn định diện tích sản xuất lúa tôm 80.000 ha³ phân đầu mở rộng thêm diện tích lúa tôm khoảng 1.000 - 1.500 ha⁴. Xây dựng vùng nguyên liệu lúa sinh thái, hữu cơ khoảng 10.000 ha, tập trung tại các vùng trọng điểm lúa tôm của tỉnh.

- Giữ ổn định diện tích sản xuất muối trên địa bàn các xã Long Điền, Đông Hải, Gành Hào, Vĩnh Hậu, Tân Thuận, Định Thành tạo điều kiện sản xuất muối chất lượng cao.

2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, phát triển bền vững

Xây dựng các mô hình sản xuất áp dụng rộng rãi các công nghệ canh tác nông nghiệp thông minh như: nuôi tôm tuần hoàn (RAS); cảm biến IoT; máy bay không người lái (drone); hệ thống giám sát tự động; quản lý số hóa dữ liệu vùng sản xuất; bản đồ số hóa nông nghiệp; công nghệ sinh học; công nghệ chọn tạo giống cây trồng vật nuôi tính chống chịu cao thích ứng biến đổi khí hậu tốt; công nghệ cao trong nuôi biển. Tiến hành cơ giới hóa, sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất để tăng hiệu suất và giảm sức lao động. Chuyển giao, ứng dụng

¹ tại khu vực các xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình, Đông Hải và ở một số khu vực có điều kiện phù hợp

² tại các xã, phường trọng điểm như: xã Trần Văn Thời, Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Khánh Lâm, Ninh Quới, Vĩnh Mỹ, Phước Long, Vĩnh Thanh, Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Châu Thới, phường Láng Tròn,...

³ tập trung ở các xã Biền Bạch, Trí Phải, Khánh An, U Minh, Ninh Thạnh Lợi, Vĩnh Lộc, Vĩnh Phước, Hồng Dân, phường Giá Rai,...

⁴ ở các xã Thới Bình, Hồ Thị Kỳ, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, phường Giá Rai, ...

công nghệ trong canh tác lúa, quy trình canh tác lúa tiên tiến (3 giảm 3 tăng, IPHM, VietGAP, sinh thái, hữu cơ,...), quy trình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

3. Phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch hỗ trợ giải quyết các điểm nghẽn lớn trong chuỗi giá trị nông sản

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng, nâng cấp nhà máy chế biến tôm đạt chuẩn EU, Mỹ, Nhật áp dụng quy trình cấp đông nhanh, sấy thăng hoa; đầu tư dây chuyền chế biến sâu, tăng tỷ lệ sản phẩm giá trị gia tăng cao (tôm tẩm, tôm hấp, tôm chín, sản phẩm phối trộn, đồ hộp, thức phẩm chức năng, dược liệu,...), đảm bảo dây chuyền đóng gói, bao bì, truy xuất nguồn gốc (blockchain, mã QR) để minh bạch thông tin sản phẩm.

- Nghiên cứu ban hành cơ chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến và bảo quản, đặc biệt là nhà máy xay xát, sấy, đánh bóng gạo đạt chuẩn xuất khẩu; nhà máy chế biến sản phẩm từ tôm, cua; đầu tư nhà máy muối công nghiệp ứng dụng năng lượng mặt trời và công nghệ tinh luyện, kết tinh. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ mới và nâng cao năng lực chế biến.

- Phát triển hạ tầng, trung tâm logistics thủy sản đồng bộ hệ thống giao thông, kho bãi, đặc biệt là kho lạnh cần được đầu tư để đảm bảo quá trình vận chuyển từ nơi sản xuất đến nhà máy chế biến và ra thị trường.

4. Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực

- Rà soát, bổ sung các chính sách cụ thể hóa Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng, rõ ràng, khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia liên kết, hướng dẫn quy trình xây dựng các dự án liên kết.

- Triển khai các gói tín dụng ưu đãi, lãi suất thấp, thủ tục đơn giản cho các dự án, mô hình liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chủ lực.

- Đổi mới mô hình HTX theo hướng hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp, lấy dịch vụ làm trọng tâm. củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các hợp tác xã hiện có; hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã tại vùng sản xuất còn phân tán, chưa có tổ chức để thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp.

- Phối hợp với Hiệp hội ngành hàng kết nối các HTX với doanh nghiệp bao tiêu nguyên liệu. Hỗ trợ liên kết giữa nhà máy chế biến và vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa ổn định, đạt chuẩn. Củng cố, duy trì các liên kết đã có và xây dựng các mô hình liên kết mới. Tập trung nhân rộng mô hình liên kết doanh nghiệp - HTX - nông dân. Thu hút các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực đầu tư vào nông nghiệp, đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

5. Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại sản phẩm nông nghiệp chủ lực

- Phát triển thương mại điện tử, đưa nông sản lên các sàn giao dịch điện tử lớn trong và ngoài nước (Lazada, Shopee, Amazon, Alibaba, v.v.). Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối cung cầu giữa các nhà sản xuất, hợp tác xã với các nhà phân phối lớn (cả kênh truyền thống và hiện đại như siêu thị, chợ đầu mối, chuỗi nhà hàng, khách sạn).

- Tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế trưng bày, giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm đối tác, và cập nhật xu hướng thị trường nông nghiệp toàn cầu.

- Tổ chức các sự kiện (như: hội chợ, triển lãm, Festival, Hội nghị kết nối cung cầu...) nhằm tạo không gian trưng bày, quảng bá sản phẩm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP giới thiệu sản phẩm nông nghiệp chủ lực và thực hiện các hoạt động kết nối cung - cầu, phát triển thị trường cho sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tận dụng vai trò của các Tham tán thương mại Việt Nam ở nước ngoài để cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ pháp lý và kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các nhà nhập khẩu nước sở tại.

- Xây dựng danh mục dự án mời gọi đầu tư, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên như: chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, logistics nông sản, trung tâm thủy sản... và công bố công khai danh mục các dự án cụ thể, có tính khả thi cao. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp phép đầu tư. Thực thi hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp. Xây dựng kênh đối thoại thường xuyên giữa chính quyền địa phương, cơ quan quản lý và nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.

6. Xây dựng thương hiệu, chứng nhận quản lý chất lượng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực

- Định vị thương hiệu và xác định thị trường mục tiêu. Tập trung xây dựng thương hiệu quốc gia và thương hiệu địa phương cho các sản phẩm chủ lực, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý. Phát huy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý muối ăn và Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghề làm muối ở Bạc Liêu”. Phân khúc thị trường mục tiêu (thị trường nội địa cao cấp, thị trường xuất khẩu sang EU, Mỹ, v.v.) để xây dựng thông điệp truyền thông phù hợp.

- Đầu tư thiết kế bao bì và nhãn mác chuyên nghiệp. Tiếp tục thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng nuôi, vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc nông sản. Hỗ trợ thiết kế, in nhãn hiệu sản phẩm, đăng ký cấp mã số, mã vạch cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.

- Nhân rộng quy trình sản xuất nông nghiệp bền vững, đạt các tiêu chuẩn sinh thái, hữu cơ trong nước và quốc tế.

- Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng trong chế biến thực phẩm sạch, an toàn, đạt tiêu chuẩn chất lượng. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng chương trình quản lý chất lượng sản phẩm tiên tiến (HACCP, ISO...). Tăng cường năng lực kiểm nghiệm, kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn trước khi đưa ra thị trường.

(Kèm theo phụ lục Nhiệm vụ chi tiết)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình, bao gồm: Vốn ngân sách trung ương; vốn ngân sách địa phương; vốn tín dụng; vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác và vốn huy động hợp pháp khác.

2. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổng hợp, rà soát, cân đối và ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong tổng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, dự án khác của tỉnh bảo đảm theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, nội dung kinh phí thực hiện hàng năm trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất hàng hóa chủ lực, năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn chứng nhận gắn với xây dựng nông thôn mới theo lợi thế từng địa phương.

- Theo dõi, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo định kỳ hàng năm và đột xuất.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phân khai kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp (vốn đối ứng ngân sách địa phương) theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành theo Kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Công Thương

Thường xuyên phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, sản phẩm OCOP trong các chương trình kết nối giao thương, kết nối cung cầu, các chợ phiên, hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp tìm hiểu các quy định của thị trường nhập khẩu; hỗ trợ các đề án khuyến công ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến trong chế biến sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với phát triển thị trường tiêu thụ ổn định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Hỗ trợ các địa phương tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm để nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông và cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá các sản phẩm chủ lực, truyền thông các sự kiện, lễ hội của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất chủ lực của địa phương. Chủ động bố trí nguồn lực của địa phương để hỗ trợ phát triển các sản phẩm có thế mạnh, đặc thù của địa phương; củng cố hoạt động các HTX hiện có, thành lập mới các HTX tại các vùng sản xuất tập trung; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào liên kết. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, cung cấp thông tin, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc thù của địa phương.

- Rà soát, đề xuất các dự án mời gọi đầu tư hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh, địa phương.

7. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội; các hiệp hội ngành hàng; tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất hàng hóa; xây dựng, phát triển và bảo vệ uy tín, giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; hỗ trợ phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần cho tăng trưởng kinh tế địa phương. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nội dung Chương trình này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Thành viên Nhóm Kinh tế
(PL kèm theo Kế hoạch số 06-KH/TU);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, NN-XD (Như NN-XD_{KH24/15.1}), KP01/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Quang Ngời

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CHỦ LỰC TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Chương trình số 003/CTr-UBND ngày 29/12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện quy hoạch và phát triển vùng sản xuất				
1	Rà soát quy hoạch sản xuất vùng nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Phương án quy hoạch điều chỉnh	Năm 2026
2	Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng				
-	Phát triển vùng nuôi tôm siêu thâm canh theo công nghệ tuần hoàn và nuôi QCCT năng suất cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Tối thiểu 50% tổng diện tích nuôi	Hàng năm
-	Phát triển vùng nuôi cua thâm canh năng suất cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	03 vùng nuôi cua đạt chuẩn OCOP hoặc VietGAP gắn với truy xuất nguồn gốc	Hàng năm
-	Phát triển vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Nhân rộng diện tích ở những vùng đủ điều kiện; phấn đấu mở rộng khoảng 5.000 - 10.000 ha/năm.	Hàng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Phát triển vùng sản xuất muối trái bọt công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Sản xuất muối trái bọt 300 ha (chiếm 18% trên tổng diện tích sản xuất muối).	Hàng năm
II	Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực				
1	Triển khai nhân rộng quy trình, công nghệ nuôi và quản lý sản xuất, môi trường trên sản phẩm chủ lực				
-	Vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Đến năm 2030 đạt 85 – 95 tỷ con giống	2026-2030
-	Xây dựng trung tâm nghiên cứu chuyên giao công nghệ sản xuất giống tôm ứng dụng CNC nằm trong Khu nông nghiệp ứng dụng CNC phát triển tôm Bạc Liêu tại phường Hiệp Thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý KNN ứng dụng CNC phát triển tôm Bạc Liêu; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã		
-	Công nghệ nuôi tuần hoàn, 2-3 giai đoạn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Tối thiểu 50% diện tích	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Quy trình canh tác tiên tiến (1 phải - 5 giảm, IPHM, VietGAP, sinh thái, hữu cơ, quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Diện tích ứng dụng quy trình canh tác tiên tiến khoảng 70% diện tích, giảm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ 30% trở lên, giảm phát thải khí nhà kính 10%.	2026-2030
-	Số hóa dữ liệu vùng nuôi, vùng trồng (mã số vùng, nhật ký điện tử, bản đồ số hóa...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	100% diện tích nuôi tôm siêu thâm canh và 100% diện tích tham gia Đề án 1 triệu héc ta lúa chất lượng cao phát thải thấp	2026-2030
2	Nghiên cứu các quy trình, công nghệ tiên tiến ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Quy trình/Công nghệ	2026-2030
III	Phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch				
1	Chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư, phát triển nhà xưởng, công nghệ chế biến bảo quản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính	Nghị quyết HĐND	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
2	Dự án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ mới	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Dự án	2026-2030
IV	Tổ chức lại sản xuất, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực				
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể				
-	Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các HTX hiện có	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Lớp đào tạo tập huấn năng lực	2026-2030
-	Hỗ trợ thành lập mới HTX	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã	HTX thành lập mới hoạt động hiệu quả	2026-2030
2	Phát triển chuỗi giá trị				
-	Hướng dẫn quy trình xây dựng các dự án liên kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Quy trình	Năm 2026
-	Hỗ trợ kết nối các tác nhân trong chuỗi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, các	Hội thảo/thỏa thuận hợp tác	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
			hiệp hội ngành nghề, UBND cấp xã		
-	Xây dựng dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên các sản phẩm chủ lực	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án	2026-2030
-	Hình thành cơ bản cụm liên kết sản xuất ngành hàng chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, các hiệp hội ngành nghề, UBND cấp xã	Cụm liên kết	2028-2030
-	Hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, các DN, hiệp hội ngành nghề, UBND cấp xã	Tối thiểu 30% diện tích được hỗ trợ bao tiêu đầu ra ổn định	2026-2030
V	Tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp chủ lực				
1	Các hoạt động xúc tiến đầu tư				
-	Hội nghị, hội thảo, diễn đàn hợp tác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Hội nghị, hội thảo, diễn đàn	2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Tài liệu, ấn phẩm quảng bá	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Tài liệu, ấn phẩm	2026-2030
-	Dự án mời gọi đầu tư được cấp phép triển khai (ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Dự án	2026-2030
2	Các hoạt động xúc tiến thương mại				
-	Tham dự và tổ chức các Hội nghị, hội chợ, triển lãm, lễ hội thương mại trong và ngoài nước ...	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hội nghị, hội chợ, triển lãm, lễ hội	2026-2030
-	Thương mại điện tử (sàn thương mại, giao dịch nền tảng ứng dụng	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Sản phẩm/chủ thể tham gia	2026-2030
VI	Xây dựng thương hiệu, chứng nhận quản lý chất lượng				
1	Xây dựng thương hiệu quốc gia đối với sản phẩm Tôm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thương hiệu quốc gia sản phẩm Tôm Cà Mau	2026-2030
2	Xây dựng thương hiệu địa phương cho các sản	Sở Khoa học và	Sở Nông	Thương hiệu địa	2026-

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
	phẩm chủ lực	Công nghệ	ng nghiệp và Môi trường	phương sản phẩm chủ lực	2030
3	Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm chủ lực	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở hữu trí tuệ/Chỉ dẫn địa lý sản phẩm chủ lực	2026-2030
4	Đăng ký mã số vùng nuôi, vùng trồng	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mã số vùng nuôi/vùng trồng	2026-2030
5	Truy xuất nguồn gốc nông sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; UBND cấp xã	Mã truy xuất nguồn gốc	2026-2030
6	Hỗ trợ thiết kế, in ấn nhãn hiệu sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thiết kế/nhãn hiệu	2026-2030
7	Nâng rộng quy trình sản xuất nông nghiệp bền vững, đạt các tiêu chuẩn sinh thái, hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	20–30% diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, ASC hoặc sinh thái	2026-2030
8	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng chương trình quản lý chất lượng sản phẩm tiên tiến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng	2026-2030